

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 27 - 4 - 2022
V/v: tranh chấp Hôn nhân và gia
đình (Tuần - Thủy)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hiểu

2. Bà Phan Thị Hạnh Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký TAND huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Minh Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2021/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Quốc T - sinh năm 1978

Địa chỉ: thôn N, xã T G, huyện T Ha, tỉnh T B.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Hồng T - sinh năm 1981

Địa chỉ: thôn R T, xã T P, huyện T H, tỉnh T B.

(anh T vắng mặt có lý do; chị T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Quốc T trình bày:**

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Hồng T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã T G, huyện T H, tỉnh T B vào ngày 22/9/1998. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh nghi ngờ chị T 1 có mối quan hệ ngoài luồng với người khác và dẫn tới mâu thuẫn trong gia đình. Sau đó chị T1 bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã T Ph, huyện T H ở. Mặc dù anh và gia đình đến tìm chị T1 về nhưng chị T 1 không về. Năm 2018 chị T1 có về ở cùng anh và gia đình được 4 tháng thì lại tiếp tục bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở , cũng từ thời điểm này anh và chị T1 không còn liên lạc với nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Phạm Thị Hồng T1.

Về con chung: Anh và chị Phạm Thị Hồng T 1 có 02 con chung là Trần Anh Tr - sinh ngày 28/11/1999 và Trần Phạm T2 - sinh ngày 11/4/2008. Hiện cả hai cháu đang ở cùng chị T 1, ly hôn do các cháu đã lớn vì vậy anh tôn trọng quyết định của các cháu ở cùng ai thì người đó phải có trách nhiệm . Nếu các cháu ở với chị T 1 thì anh cấp dưỡng nuôi con cùng chị T 1 1 triệu đồng/ 1tháng cho đến khi cháu trưởng thành.

Về tài sản: Anh và chị Phạm Thị Hồng T1 có 01 ngôi nhà 80m2 xây 1 tầng cùng mái tôn trên diện tích đất mà bố mẹ anh cho anh (bìa đỏ mang tên anh). Anh đồng ý cho 2 con toàn bộ tài sản chung của vợ chồng trên đất này nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Phạm Thị Hồng T1 trình bày:**

Về hôn nhân: Về thời gian , địa điểm và điều kiện kết hôn như anh Trần Quốc T trình bày. Chị và anh Tuấn chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị nghi ngờ anh T có mối quan hệ với người khác và về hành hạ vợ con . Vì áp lực công việc cộng với chuyện gia đình buộc chị phải ly thân và ra nhà mẹ đẻ chị ở để có thời gian cho hai vợ chồng suy nghĩ lại. Nhưng trong thời gian này anh T có đưa bỏ về nhà ở , chị có về nói chuyện cùng gia đình anh T về điều này và có cho con về hỏi thì anh nói là cho người ta thuê. Cũng từ năm 2018 cho đến nay, chị và anh T không chung sống cùng nhau. Nay anh T khởi kiện ly hôn với chị , quan điểm của chị là chị không đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung như anh T trình bày. Hiện các con đang sinh sống cùng chị tại xã T Ph huyện T H, tỉnh T B kể từ năm 2018. Nếu phải ly hôn , cháu Trần Anh Tr đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trần Phạm T2 chị đề nghị Tòa án giao cho chị trực tiếp chăm sóc , nuôi dưỡng cháu vì từ lúc ly thân cháu ở cùng với chị . Việc

học hành của cháu đang ổn định và chi đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu trưởng thành.

Về tài sản: Quá trình chung sống chị và anh T có xây dựng được căn nhà 01 tầng, diện tích 80m² và mái tôn trên mảnh đất mà bố mẹ chồng chị cho vợ chồng (chỉ nói miệng lúc vợ chồng anh chị hạnh phúc), giá trị ngôi nhà hiện tại 200 triệu đồng, ly hôn: chị yêu cầu phân tài sản của chị, chị cho hai con. Về nợ chung và cho vay nợ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Biên bản xác minh tại UBND xã T G, huyện T H, tỉnh T B:** Anh Trần Quốc Tu và chị Phạm Thị Hồng T 1 có hộ khẩu thường trú tại xã T G, huyện T H. Từ năm 2018 chị T1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã T P, huyện T H sinh sống.

Anh T, chị T1 tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn với nhau tại xã ngày 22/9/1998; anh, chị có 02 con chung là Trần Anh Tr - sinh ngày 28/11/1999 và Trần Phạm T 2 - sinh ngày 11/4/2008. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là gì địa phương không nắm bắt được, nay anh T đề nghị ly hôn chị T1 và việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, địa phương đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Đối với tài sản của vợ chồng anh, chị địa phương không nắm được cụ thể như thế nào.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho người bị kiện. Nguyên đơn, bị đơn về cơ bản chấp hành pháp luật tố tụng để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Do mâu thuẫn giữa anh Trần Quốc T và chị Phạm Thị Hồng T1 đã không thể hòa giải; anh, chị không còn chung sống cùng nhau từ năm 2018 cho đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mặc dù chị T1 không đồng ý ly hôn nhưng không có mong muốn, giải pháp đoàn tụ gia đình và cũng không về chung sống cùng anh T. Mặt khác anh Tuấn kiên quyết ly hôn với chị T1. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh, chị không còn tồn tại trên thực tế, việc hàn gắn hôn nhân là không thể, mục đích hôn nhân không đạt được

vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc T , xử cho anh Trần Quốc T được ly hôn chị Phạm Thị Hồng T1.

+ Về quan hệ con chung: Anh T, chị T1 có 02 con chung là Trần Anh Tr - sinh ngày 28/11/1999 và Trần Phạm T2 - sinh ngày 11/4/2008. Hiện cả hai cháu đang ở cùng chị T1 tại xã T P, huyện T H. Ly hôn, cháu Tr đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề chăm sóc , nuôi dưỡng; cháu T2 đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng ở cùng mẹ. Chị T1 có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc , nuôi dưỡng cháu T2 và anh T tôn trọng nguyện vọng của con về mong muốn ở cùng ai của các cháu khi anh , chị ly hôn do các cháu đã lớn . Vì vậy đề nghị HĐXX giao cháu Trần Phạm T2 cho chị Phạm Thị Hồng T1 trực tiếp chăm sóc , nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con : Chấp nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T1 là 1.000.000đ/1 tháng, kể từ tháng 4/2022 cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

+ Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này . Vấn đề tài sản được đặt ra giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, cũng như phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa anh T, chị T1 là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T1 hiện đang cư trú tại xã T Ph, huyện T H, tỉnh T B do đó anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng với quy định tại Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Phạm Thị Hồng T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, anh Trần Quốc T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc T và chị Phạm Thị Hồng T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã T G, huyện T H, tỉnh T B ngày 22/9/1998 đây là hôn nhân hợp pháp. Anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn , nguyên nhân là do anh , chị nghi ngờ lẫn nhau và không tin tưởng nhau . Dẫn đến chị T1 bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống lần 1 năm 2016 và lần 2 năm 2018 cho đến nay . Tuy chị T1 không đồng ý ly hôn nhưng chị không có mong muốn , giải pháp, cách thức về đoàn tụ gia đình và chị cũng không có ý định về chung sống cùng anh Tuấn . Mặt khác a

T kiên quyết đề nghị ly hôn chị T 1. Như vậy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh T, chị T1 đã trầm trọng dẫn đến chị T 1 phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau từ năm 2018 cho đến nay. Do tình cảm giữa anh chị đã không thể hàn gắn, hôn nhân không có hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc T, xử cho anh Trần Quốc T được ly hôn chị Phạm Thị Hồng T1 là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Trần Quốc T và chị Phạm Thị Hồng T1 có 02 con chung là Trần Anh Tr 1 - sinh ngày 28/11/1999 và Trần Phạm T 2 - sinh ngày 11/4/2008. Hiện cả hai cháu đang ở cùng chị T 1 tại xã T P, huyện T H. Ly hôn, cháu Tr đã trưởng thành, không bị khuyết tật, hạn chế khả năng nhận thức điều khiển hành vi, có khả năng tự chăm sóc bản thân nên không đặt ra vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Tuấn đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng ở cùng mẹ. Chị T1 có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tuấn và anh T 2 tôn trọng nguyện vọng của con về mong muốn ở cùng ai của các cháu khi anh, chị ly hôn do các cháu đã lớn. Mặt khác cháu T2 đang ăn học, ổn định tại trường Trung học cơ sở G P xã T P, huyện T H. Vì vậy HĐXX chấp nhận: Giao cháu Trần Phạm T2 cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng khi ly hôn. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi cháu T 2 cùng chị T1 là 1.000.000đ/ 1tháng, kể từ tháng 4/2022 cho đến khi cháu tròn 18 tuổi. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản: Anh T, chị T1 đều khai có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nhưng anh, chị không ai có yêu cầu chia tài sản chung. Mặt khác chị T1 đã được Tòa án thông báo về việc có yêu cầu chia tài sản chung hay không nhưng chị không đến Tòa án làm việc. Do đó vấn đề tài sản không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Vấn đề tài sản được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí: Anh Trần Quốc T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và

gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Quốc T được ly hôn chị Phạm Thị Hồng T1.

2. Về quan hệ con chung: Anh Trần Quốc T và chị Phạm Thị Hồng T1 có 02 con chung là Trần Anh Tr -sinh ngày 28/11/1999 và Trần Phạm T 2-sinh ngày 11/4/2008. Ly hôn, cháu Tr đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề chăm sóc , nuôi dưỡng . Giao cháu Trần Phạm T 2 cho chị T 1 trực tiếp chăm sóc , nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng ng nuôi cháu T 2 cùng chị T 11.000.000đ (một triệu đồng)/1tháng, kể từ tháng 4/2022 cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Anh Trần Quốc T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Đồi trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số 0002275 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình ngày 20/12/2022, anh Trần Quốc T còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Quốc T , chị Phạm Thị Hồng T 1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKS huyện Tiền Hải;
- THADS huyện Tiền Hải;
- UBND xã Tây Giang, Tiền Hải;
- TAND, VKSND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Lợi

